

Số: *16* /NQ-HĐND

Kiến Hưng, ngày 14 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách và phân bổ dự toán
ngân sách địa phương năm 2025 xã Kiến Hưng sau sắp xếp**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ KIẾN HƯNG
KHÓA I, NHIỆM KỲ 2021 - 2026, KỲ HỌP THỨ 3
(KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 25/7/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 thành phố Hải Phòng sau sắp xếp;

Căn cứ Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 thành phố Hải Phòng sau sắp xếp;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 của Hội đồng nhân dân xã Kiến Hưng về dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 sau sắp xếp;

Căn cứ Thông báo số 40-TB/ĐU ngày 12/11/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy về điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách và phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2025 xã Kiến Hưng sau sắp xếp;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân xã Kiến Hưng tại Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 12/11/2025 về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách và phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2025 xã Kiến Hưng sau sắp xếp; Báo cáo thẩm tra số. 07/BC-BKTNS ngày 12/11/2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã, ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 xã Kiến Hưng sau sắp xếp, như sau:

1. Điều chỉnh giảm dự toán thu bổ sung từ ngân sách cấp trên số tiền 7.234 triệu đồng so với dự toán giao tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 của Hội đồng nhân dân xã.

2. Điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách năm 2025 xã Kiến Hưng sau sắp xếp số tiền 7.234 triệu đồng so với dự toán giao tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 của Hội đồng nhân dân xã.

(Chi tiết tại các Phụ lục số 01,02,03,04 kèm theo)

Các nội dung không được điều chỉnh tại Nghị quyết này được giữ nguyên theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 của Hội đồng nhân dân xã.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân xã:

1.1. Tổ chức thực hiện Nghị quyết bảo đảm đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan; chủ động thực hiện điều hành dự toán ngân sách trong phạm vi được duyệt, đảm bảo hiệu quả.

1.2. Điều hành chi ngân sách nhà nước theo dự toán giao, đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí. Chấp hành nghiêm quy định công khai, minh bạch về ngân sách, chế độ tự kiểm tra tài chính, kế toán trong các đơn vị sử dụng ngân sách.

1.3. Nghiêm túc thực hiện yêu cầu về tiết kiệm, chống lãng phí theo Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tiết kiệm chi thường xuyên, chi cho bộ máy quản lý nhà nước, chi hoạt động tại các đơn vị sự nghiệp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân xã khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 3 (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND TP;
- UBND Thành phố;
- Sở Tư Pháp; Sở Tài chính;
- TT. Đảng ủy xã;
- TT. Ủy ban MTTQ xã;
- Các ban của HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Lưu: VT, Hồ sơ ký họp.

TM. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Phán



DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HDND ngày 14/11/2025 của Hội đồng nhân dân xã Kiến Hưng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán giao tại Nghị quyết số 13/NQ- HDND ngày 30/7/2025		Dự toán điều chỉnh kỳ này		Chênh lệch tăng (giảm)		Ghi chú
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	147.811	147.104	140.577	139.870	-7.234	-7.234	
I	Thu nội địa	2.387	1.680	2.387	1.680			
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)							
2	Thu từ khu vực DNNN do cấp xã quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)							
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước (Chi tiết theo sắc thuế) ngoài.							
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (Chi tiết theo sắc thuế)	540	108	540	108			
5	Thuế thu nhập cá nhân	275		275				
6	Thuế bảo vệ môi trường							
7	Lệ phí trước bạ	550	550	550	550			
8	Thu phí, lệ phí	92	92	92	92			
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp							
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	260	260	260	260			
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước							
12	Thu tiền sử dụng đất							
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước							
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (nếu có)							
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản							
16	Thu khác ngân sách	40	40	40	40			
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	630	630	630	630			
II	Thu viện trợ							
III	Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang							
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	145.424	145.424	138.190	138.190	-7.234	-7.234	
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	133.586	133.586	132.979	132.979	-607	-607	
2	Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	11.838	11.838	5.211	5.211	-6.627	-6.627	



DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của Hội đồng nhân dân xã Kiên Hưng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán giao tại Nghị quyết số 13/NQ- HĐND ngày 30/7/2025	Dự toán điều chỉnh kỳ này	Chênh lệch tăng (giảm)	Ghi chú
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	147.104	139.870	-7.234	
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ	147.104	139.870	-7.234	
	Trong đó:				
I	Chi đầu tư phát triển				
1	Chi đầu tư cho các dự án				
	Trong đó:				
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề				
1.2	Chi khoa học và công nghệ				
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình				
1.4	Chi văn hóa thông tin				
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn				
1.6	Chi thể dục thể thao				
1.7	Chi bảo vệ môi trường				
1.8	Chi các hoạt động kinh tế				
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể				
1.10	Chi bảo đảm xã hội				
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	144.220	137.127	-7.093	
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	71.917	72.489	572	
2	Chi an ninh - quốc phòng	3.096	2.952	-144	
3	Chi khoa học và công nghệ				
4	Chi y tế, dân số và gia đình	5.225	5.227	2	
5	Chi văn hóa thông tin	896	1.119	223	
6	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	365	432	67	
7	Chi thể dục thể thao	59	156	97	
8	Chi bảo vệ môi trường	2.418	2.105	-313	
9	Chi các hoạt động kinh tế	5.237	5.751	514	
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	32.540	28.848	-3.692	
11	Chi bảo đảm xã hội	21.807	17.392	-4.415	
12	Chi khác	660	656	-4	
III	Dự phòng ngân sách	2.884	2.743	-141	
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
B	Chi viện trợ				
C	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu				

ĐIỀU CHỈNH CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ KIẾN HƯNG

(Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HDND ngày 14/11/2025 của Hội đồng nhân dân xã Kiến Hưng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán giao tại Nghị quyết số 13/NQ-HDND ngày 30/7/2025	Dự toán điều chỉnh kỳ này	Chênh lệch tăng (giảm)	Ghi chú
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH XÃ	147.104	139.870	-7.234	
I	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp	1.680	1.680		
-	Thu ngân sách xã hưởng 100%	1.572	1.572		
-	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia	108	108		
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	145.424	138.190	-7.234	
-	Thu bổ sung cân đối	133.586	132.979	-607	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	11.838	5.211	-6.627	
III	Thu kết dư				
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	147.104	139.870	-7.234	
I	Tổng chi cân đối ngân sách xã	147.104	139.870	-7.234	
1	Chi đầu tư phát triển				
2	Chi thường xuyên	144.220	137.127	-7.093	
3	Dự phòng ngân sách	2.884	2.743	-141	
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
II	Chi viện trợ				
III	Chi từ nguồn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu				
IV	Chi chuyển nguồn sang năm sau				



DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của Hội đồng nhân dân xã Kiến Hưng)

Bản số 04

STT		TÊN ĐƠN VỊ		TỔNG CHI TRƯỚC KHI TRỪ TIẾT KIỂM (Bq)		TỔNG CHI SAU KHI TRỪ TIẾT KIỂM		TỔNG CHI THUẬN XUYÊN TRƯỚC KHI TRỪ TIẾT KIỂM		THÔNG ĐÓ															TỔNG CHI THUẬN XUYÊN SAU TRỪ TIẾT KIỂM		TỔNG DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH		Chi chủ																
A		B		1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		11		12		13		14		15		16		17		18		19		20		21	
TỔNG SỐ		TỔNG SỐ		TỔNG SỐ		TỔNG SỐ		TỔNG SỐ		TỔNG SỐ		TỔNG SỐ		TỔNG SỐ		TỔNG SỐ		TỔNG SỐ		TỔNG SỐ		TỔNG SỐ		TỔNG SỐ		TỔNG SỐ		TỔNG SỐ		TỔNG SỐ		TỔNG SỐ		TỔNG SỐ		TỔNG SỐ		TỔNG SỐ		TỔNG SỐ		TỔNG SỐ			
I		Chi đầu tư																																											
II		Chi thường xuyên		143.153		139.870		140.410		73.986		-		2.995		5.234		1.223		480		173		2.339		6.265		2.818		3.447		29.563		17.424		728		3.263		137.127		2.743			
1		Vận phòng Đảng ủy xã		1.983		1.914		1.983		-		-		-		-		-		-		-		-		-		-		-		1.983		-		49		1.984		-					
2		Vận phòng HĐND và UBND xã		5.193		5.151		5.193		-		918		-		-		-		-		-		-		-		-		3.918		357		-		42		5.181		-					
3		Hội đồng nhân dân		1.138		1.112		1.138		-		-		-		-		-		-		-		-		-		-		1.138		-		-		27		1.112		-					
4		Phòng Kinh tế		1.106		1.072		1.106		-		-		100		-		-		-		-		-		-		-		100		906		-		-		34		1.072		-			
5		Phòng Văn hóa xã hội		13.916		13.902		13.916		-		-		-		-		-		-		-		-		-		-		916		13.000		-		-		14		13.902		-			
6		Trung tâm phục vụ hành chính công		457		449		457		-		-		-		-		-		-		-		-		-		-		457		-		-		8		449		-					
7		Trung tâm sự nghiệp công		100		90		100		-		-		-		-		40		30		30		-		-		-		-		-		-		10		90		-					
8		Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam		903		889		903		-		-		-		-		-		-		-		-		-		-		903		-		-		14		889		-					
9		Các trường		63.626		62.815		63.626		63.592		-		-		-		-		-		-		34		-		-		-		-		-		812		62.815		-					
a		Miền non		20.260		20.018		20.260		20.260		-		-		-		-		-		-		-		-		-		-		-		-		242		20.018		-					
-		Trường MN Ngũ Đoan		7.247		7.156		7.247		7.247		-		-		-		-		-		-		-		-		-		-		-		-		92		7.156		-					
-		Trường MN Đại Hà		6.229		6.161		6.229		6.229		-		-		-		-		-		-		-		-		-		-		-		-		68		6.161		-					
-		Trường MN Tân Trao		6.784		6.702		6.784		6.784		-		-		-		-		-		-		-		-		-		-		-		-		82		6.702		-					
b		Tiểu học		24.922		24.612		24.922		24.887		-		-		-		-		-		-		34		-		-		-		-		-		310		24.612		-					
-		Trường TH Ngũ Đoan		8.284		8.178		8.284		8.284		-		-		-		-		-		-		-		-		-		-		-		-		105		8.178		-					
-		Trường TH Đại Hà		7.685		7.591		7.685		7.685		-		-		-		-		-		-		-		-		-		-		-		-		94		7.591		-					
-		Trường TH Tân Trao		8.953		8.843		8.953		8.918		-		-		-		-		-		-		34		-		-		-		-		-		110		8.843		-					
c		Trung học cơ sở		18.445		18.184		18.445		18.445		-		-		-		-		-		-		-		-		-		-		-		-		261		18.184		-					
-		Trường THCS Ngũ Đoan		6.387		6.295		6.387		6.387		-		-		-		-		-		-		-		-		-		-		-		-		92		6.295		-					
-		Trường THCS Đại Hà		5.469		5.382		5.469		5.469		-		-		-		-		-		-		-		-		-		-		-		-		87		5.382		-					
-		Trường THCS Tân Trao		6.589		6.506		6.589		6.589		-		-		-		-		-		-		-		-		-		-		-		-		82		6.506		-					
10		Các nhiệm vụ chi khác		54.731		52.438		51.988		10.394		-		1.977		5.234		1.183		450		143		2.305		6.165		2.818		3.347		19.342		4.007		728		2.273		49.715		2.743			